

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 22/7/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Thiện và ông Khoàng Văn Hặc

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Sùng A D

Địa chỉ: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Vàng Thị N

Địa chỉ: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lý A C - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/11/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Sùng A D trình bày:

Về hôn nhân: Anh D và chị Vàng Thị N chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng đến ngày 12/8/2015 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên (nay là xã N, tỉnh Điện Biên). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Đến nay vợ chồng không còn tình cảm, không cùng nhau vun vén kinh tế và đã ly thân nhau từ tháng 12 năm 2023. Anh D xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh chị có 04 con chung là cháu Sùng A M sinh ngày 20/3/2013, cháu Sùng Thị Các C1 sinh ngày 28/4/2015, cháu Sùng A M1 sinh ngày 19/7/2017 và cháu Sùng A S sinh ngày 09/8/2019. Anh D đề nghị giao cả bốn con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; Về cấp dưỡng nuôi con anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N, đã triệu tập chị N đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo qui định.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ông Lý A C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Sùng A D, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vàng Thị N do hai bên không còn tình cảm. Về việc nuôi con đề nghị Tòa án giao bốn con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các cháu; Việc cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản, các đương sự không yêu cầu nên không có ý kiến gì.

Tại đơn xin xác nhận của anh Sùng A D có xác nhận của UBND xã H thể hiện nội dung như trình bày trên của anh D. Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc. Các cháu Sùng A M, Sùng Thị Các C1, Sùng A M1 có đơn thể hiện nguyện vọng muốn được ở trực tiếp với anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 17/2/2025 anh Sùng A D nộp đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên đối với chị Vàng Thị N; Địa chỉ: Bản H, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên (Nay là bản Huổi Mí 2, xã N, tỉnh Điện Biên). Anh D có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Anh D lựa chọn Hòa giải và sau đó đề nghị chấm dứt hòa giải, chuyển vụ việc giải quyết theo trình tự, thủ tục tố tụng. Ngày 26/02/2025 anh D được chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh D theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa anh Sùng A D và chị Vàng Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên), tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, anh D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Anh Sùng A D và chị Vàng Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã N) vào ngày 12/8/2015, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh D, chị N là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, hiện không quan tâm đến nhau, không cùng nhau vun vén kinh tế. Chính quyền địa phương cũng đã xác nhận tình trạng hôn nhân của hai anh chị. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn như anh D trình bày là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng, người vợ dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với nhau. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh D, và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giải quyết cho ly hôn giữa anh D với chị N.

Về con chung: Anh D và chị N có 04 con chung là cháu Sùng A M sinh ngày 20/3/2013, cháu Sùng Thị Các C1 sinh ngày 28/4/2015, cháu Sùng A M1 sinh ngày 19/7/2017 và cháu Sùng A S sinh ngày 09/8/2019, anh D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả bốn cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng các cháu hiện đều sinh sống ổn định với anh D. Các cháu Sùng A M, Sùng Thị Các C1, Sùng A M1 đều có đơn thể hiện nguyện vọng muốn được ở trực tiếp với anh D. Mặt khác Tòa án triệu tập chị N đến Tòa án để làm rõ quan điểm, nguyện vọng về việc nuôi con nhưng chị N không tới, cũng không có văn bản trình bày đề nghị gì. Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định chị N có nguyện vọng nuôi con hay không. Do vậy, để đảm bảo các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất của các cháu Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ các quy định tại điều 58, điều 69, khoản 1, 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của anh D, giao các con chung cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về Án phí:

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho anh D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án do anh D là người dân tộc thiểu số cư trú tại nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sùng A D, cho ly hôn giữa anh Sùng A D và chị Vàng Thị N.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Sùng A M sinh ngày 20/3/2013, cháu Sùng Thị Các C1 sinh ngày 28/4/2015, cháu Sùng A M1 sinh ngày 19/7/2017 và cháu Sùng A S sinh ngày 09/8/2019 cho anh Sùng A D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Anh Sùng A D được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 – Điện Biên;
- UBND xã Nậm Nèn;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc